



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 97, NGÀY 10/12/2023

LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Thời gian		Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	
01	Phòng 101B4	7h00'	8h00'	28
02	Phòng 102B4	7h00'	8h00'	27
03	Phòng 103B4	7h00'	8h00'	25
04	Phòng 104B4	7h00'	8h00'	25
05	Phòng 201B4	7h00'	8h00'	35
06	Phòng 202B4	7h00'	8h00'	35
07	Phòng 203B4	7h00'	8h00'	27
08	Phòng 204B4	7h00'	8h00'	35
09	Phòng 205B4	7h00'	8h00'	25
10	Phòng 206B4	7h00'	8h00'	38

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	001	0023410384	Đặng Thị Thu An	Nữ	Kinh	02/8/2005	Tiền Giang				
2	002	0023411612	Nguyễn Phương An	Nữ	Kinh	25/11/2005	Bến Tre				
3	003	087302007945	Phan Bình Phương An	Nữ	Kinh	29/8/2002	Đồng Tháp				
4	004	0023410898	Phan Đình Phương An	Nữ	Kinh	29/12/2005	Tiền Giang				
5	005	0023412888	Võ Thị Mỹ Ân	Nữ	Kinh	16/10/2005	Bến Tre				
6	006	0023411707	Bùi Minh Anh	Nữ	Kinh	05/8/2005	Bến Tre				
7	007	0022411138	Đặng Thị Phương Anh	Nữ	Kinh	16/3/2004	Vĩnh Long				
8	008	0023410714	Nguyễn Mai Anh	Nữ	Kinh	19/12/2005	Đồng Tháp				
9	009	0023412573	Nguyễn Thị Huệ Anh	Nữ	Kinh	30/12/2005	Vĩnh Long				
10	010	0022411489	Phạm Thị Phương Anh	Nữ	Kinh	21/11/2003	Vĩnh Long				
11	011	0023410337	Phan Phan Phương Anh	Nữ	Kinh	09/7/2005	Đồng Tháp				
12	012	0023410863	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	Nữ	Kinh	19/3/2005	Tiền Giang				
13	013	0022412175	Nguyễn Trần Khánh Băng	Nữ	Kinh	25/5/2004	Đồng Tháp				
14	014	0023413115	Huỳnh Văn Bảo	Nam	Kinh	18/9/2005	Đồng Tháp				
15	015	0023411504	Lê Gia Bảo	Nam	Kinh	11/6/2005	Bến Tre				
16	016	0023411677	Lưu Thanh Bình	Nam	Kinh	11/8/2005	Long An				
17	017	0023410022	Nguyễn Yến Bình	Nữ	Kinh	22/7/2003	Bến Tre				
18	018	0020410962	Phạm Công Bình	Nam	Kinh	16/01/2002	Đồng Tháp				
19	019	0023412082	Huỳnh Châu	Nữ	Kinh	19/12/2002	Bến Tre				
20	020	0023410369	Võ Thị Ý Chi	Nữ	Kinh	18/01/2005	Đồng Tháp				
21	021	0023410146	Đinh Quang Chương	Nam	Kinh	01/01/2005	Trà Vinh				
22	022	0023410112	Nguyễn Thị Kim Cương	Nữ	Kinh	19/8/2005	Đồng Tháp				
23	023	0023411688	Trần Thị Diệu Dàng	Nữ	Kinh	03/10/2005	Đồng Tháp				
24	024	0023411413	Bùi Khoa Đăng	Nữ	Kinh	09/6/2005	Vĩnh Long				
25	025	0023411472	Phan Huỳnh Công Danh	Nam	Kinh	10/9/2005	Vĩnh Long				
26	026	0023412800	Trần Xong Danh	Nam	Kinh	07/01/2005	Trà Vinh				
27	027	0023411839	Đỗ Thành Đạt	Nam	Kinh	22/3/2005	Đồng Tháp				
28	028	0023411704	Bùi Ngọc Diệp	Nữ	Kinh	05/8/2005	Bến Tre				

Tổng số thí sinh: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	029	0023410326	Trần Ngọc	Diệp	Nữ	Kinh	02/01/2005	Đồng Tháp				
2	030	0022412103	Thi Văn	Dim	Nam	Kinh	25/9/2004	Đồng Tháp				
3	031	0023412666	Nguyễn Huỳnh	Dư	Nữ	Kinh	24/8/2005	Long An				
4	032	0023411576	Lê Hoàng Thu	Dung	Nữ	Kinh	06/12/2005	Long An				
5	033	0023413601	Võ Quốc	Dũng	Nam	Kinh	08/9/2005	Đồng Tháp				
6	034	0023413374	Đoàn Hữu	Dương	Nam	Kinh	23/8/2005	Kiên Giang				
7	035	0023410967	Dương Trùng	Dương	Nam	Kinh	23/4/2005	Đồng Tháp				
8	036	0021410127	Huỳnh Tấn	Dương	Nam	Kinh	14/02/2002	Đồng Tháp				
9	037	0020411238	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	21/01/2002	Cà Mau				
10	038	0023411842	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	01/01/2005	Tiền Giang				
11	039	0021410138	Đặng Nhật	Duy	Nam	Kinh	08/11/2003	Trà Vinh				
12	040	0023410774	Lê Khánh	Duy	Nam	Kinh	24/12/2005	Đồng Tháp				
13	041	0023411418	Nguyễn Nhật	Duy	Nam	Kinh	28/11/2005	Bạc Liêu				
14	042	0023411018	Ngô Thị	Duyên	Nữ	Kinh	12/6/2005	Đồng Tháp				
15	043	0023412343	Nguyễn Lê Mỹ	Duyên	Nữ	Kinh	05/6/2005	Đồng Tháp				
16	044	0023411403	Phạm Thị Mỹ	Duyên	Nữ	Kinh	18/01/2005	Bến Tre				
17	045	0022412212	Nguyễn Thị Thảo	Ghi	Nữ	Kinh	17/8/2004	Bến Tre				
18	046	0023410638	Huỳnh Thị Cẩm	Giang	Nữ	Kinh	16/10/2005	Đồng Tháp				
19	047	0023412602	Phạm Trần	Giang	Nam	Kinh	30/9/2005	Long An				
20	048	0021310008	Phan Thị Bắc	Giang	Nữ	Kinh	25/5/2002	Đồng Tháp				
21	049	0023412510	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	Nữ	Kinh	26/6/2005	Hậu Giang				
22	050	0023410284	Lê Thị Ngọc	Giàu	Nữ	Kinh	16/12/2005	Long An				
23	051	0023410297	Nguyễn Quốc	Giàu	Nam	Kinh	01/7/2005	Long An				
24	052	0023411342	Hoàng Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	Kinh	01/01/2005	Bình Phước				
25	053	0023411536	Lê Võ Ngọc	Hà	Nữ	Kinh	30/10/2005	Đồng Tháp				
26	054	0021412326	Hồ Phạm Kim	Hân	Nữ	Kinh	05/7/2003	Đồng Tháp				
27	055	0023412487	Hồ Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	12/7/2005	Trà Vinh				

Tổng số thí sinh: 27

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	056	0023410076	Lê Bảo Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	17/3/2005	Bến Tre				
2	057	0020411229	Nguyễn Thị	Hân	Nữ	Kinh	10/10/2002	Bến Tre				
3	058	0023410829	Trần Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	09/01/2004	Đồng Tháp				
4	059	0021411275	Võ Mai Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	19/4/2003	Đồng Tháp				
5	060	0020410624	Ngô Hồng	Hạnh	Nữ	Kinh	19/12/2002	Đồng Tháp				
6	061	0020410883	Nguyễn Anh	Hào	Nam	Kinh	18/8/2002	Tiền Giang				
7	062	0023410168	Nguyễn Thị Phúc	Hậu	Nữ	Kinh	21/11/2005	An Giang				
8	063	0020410418	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	Kinh	22/3/2000	Đồng Tháp				
9	064	0023412899	Nguyễn Văn Minh	Hiển	Nam	Kinh	28/8/2005	Đồng Tháp				
10	065	0023412011	Nguyễn Trần Tuyết	Hoa	Nữ	Kinh	09/9/2005	Đồng Tháp				
11	066	0020411123	Võ Quốc	Hoà	Nam	Kinh	26/7/2002	Đồng Tháp				
12	067	087073000809	Hà Huy	Hoàng	Nam	Kinh	27/9/1973	Đồng Tháp				
13	068	0023410555	Huỳnh Huy	Hoàng	Nam	Kinh	04/11/2005	An Giang				
14	069	0023410780	Thạch Minh	Hoàng	Nam	Khmer	16/01/2005	Trà Vinh				
15	070	0023412820	Bùi Thị Diễm	Hương	Nữ	Kinh	01/01/2005	Đồng Tháp				
16	071	0023410619	Hồ Xuân	Hương	Nữ	Kinh	04/02/2005	Long An				
17	072	0023410266	Nguyễn Ngọc Cẩm	Hương	Nữ	Kinh	04/5/2005	Long An				
18	073	0021310091	Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	Kinh	04/6/2003	Đồng Tháp				
19	074	0023411635	Nhan Thị Trúc	Hương	Nữ	Kinh	26/7/2005	Đồng Tháp				
20	075	0023411249	Phan Thị Tuyết	Hương	Nữ	Kinh	15/11/2005	Đồng Tháp				
21	076	0023410303	Trương Thị Trâm	Hương	Nữ	Kinh	19/8/2005	Long An				
22	077	0023413904	Cao Thị Ngọc	Huy	Nữ	Kinh	02/9/2005	Đồng Tháp				
23	078	0023411406	Huỳnh Chí	Huy	Nam	Kinh	07/9/2005	Đồng Tháp				
24	079	0023410687	Nguyễn Phước	Huy	Nam	Kinh	10/02/2005	Đồng Tháp				
25	080	0020411182	Lương Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	13/01/2002	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 25

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	081	0023411144	Tổng Mỹ	Huyền	Nữ	Kinh	28/6/2005	Đồng Tháp				
2	082	0023411327	Võ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	14/01/2005	Long An				
3	083	0022410901	Lê Thị Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	18/7/2004	Đồng Tháp				
4	084	0023410039	Nguyễn Thúc	Huỳnh	Nữ	Kinh	19/7/2005	Bến Tre				
5	085	0023410019	Phạm Thị Kim	Kha	Nữ	Kinh	01/4/2005	Kiên Giang				
6	086	0023411337	Phạm Hoàng	Khả	Nam	Kinh	14/10/2005	Kiên Giang				
7	087	0023411531	Lâm Quang	Khải	Nam	Kinh	09/11/2005	Tây Ninh				
8	088	0019410035	Trương Đình	Khải	Nam	Kinh	02/01/2000	Đồng Tháp				
9	089	0023410717	Cao Hữu	Khang	Nam	Kinh	13/5/2005	Đồng Tháp				
10	090	087099005942	Trần Đoan	Khang	Nam	Kinh	28/7/1999	Đồng Tháp				
11	091	0023412281	Trần Huỳnh Nhật	Khang	Nam	Kinh	03/12/2004	Cà Mau				
12	092	0023411217	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	Kinh	11/9/2005	Đồng Tháp				
13	093	0023411624	Thái Thị Mỹ	Khánh	Nữ	Kinh	02/9/2005	Đồng Tháp				
14	094	0023411519	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	Kinh	09/01/2005	An Giang				
15	095	0023410936	Nguyễn Thị Yến	Khoa	Nữ	Kinh	05/11/2005	Đồng Tháp				
16	096	0023413170	Nguyễn Chí	Kiên	Nam	Kinh	23/10/2005	Cà Mau				
17	097	0023410540	Lê Hồng	Kim	Nam	Kinh	29/12/2005	Long An				
18	098	0023410314	Nguyễn Thanh Thư	Kỳ	Nữ	Kinh	25/02/2005	Đồng Tháp				
19	099	0023410218	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	Kinh	19/11/2005	Vĩnh Long				
20	100	0022411681	Trương Thị Tú	Linh	Nữ	Kinh	24/3/2004	Bến Tre				
21	101	0023411366	Mai Đắc	Lộc	Nam	Kinh	15/4/2005	Đồng Tháp				
22	102	0023411752	Nguyễn Tấn Phước	Lộc	Nam	Kinh	24/5/2005	Cần Thơ				
23	103	0023410323	Nguyễn Vĩnh	Lộc	Nam	Kinh	30/6/2005	Đồng Tháp				
24	104	0022410574	Võ Tấn	Lực	Nam	Kinh	07/8/2004	Đồng Tháp				
25	105	0023412609	Nguyễn Thị Thiên	Lý	Nữ	Kinh	03/8/2005	TP Hồ Chí Minh				

Tổng số thí sinh: 25

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	106	0023410287	Lê Ban Mai	Nữ	Kinh	05/5/2005	Long An				
2	107	0023410313	Lê Thị Ngọc Mai	Nữ	Kinh	30/9/2004	Đồng Tháp				
3	108	0023410681	Nguyễn Thị Xuân Mai	Nữ	Kinh	10/02/2005	Đồng Tháp				
4	109	0021310025	Phan Thị Tuyết Mai	Nữ	Kinh	05/3/2002	Đồng Tháp				
5	110	hs001	Nguyễn Trần Tuệ Mẫn	Nữ	Kinh	24/5/2012	Đồng Tháp				
6	111	0023410942	Kiên Hoàng Minh	Nam	Khmer	02/4/2005	Trà Vinh				
7	112	0023410183	Trần Ngọc Lan Minh	Nữ	Hoa	03/10/2005	An Giang				
8	113	0023411756	Võ Lê Gia Minh	Nam	Kinh	05/5/2005	Vĩnh Long				
9	114	0021310026	Lê Thị Kim Mới	Nữ	Kinh	03/9/2003	Đồng Tháp				
10	115	0023411462	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	Kinh	17/02/2005	Hậu Giang				
11	116	0023411315	Phạm Kiều My	Nữ	Kinh	15/7/2005	Cà Mau				
12	117	0023411692	Hà Thị Hoàng Mỹ	Nữ	Kinh	13/12/2005	Đồng Tháp				
13	118	0023411097	Dương Hoàng Nam	Nam	Kinh	29/11/2005	Kiên Giang				
14	119	0023410049	Lê Ngọc Ngà	Nam	Kinh	24/9/2005	Vĩnh Long				
15	120	0023412127	Nguyễn Thị Ngọc Ngà	Nữ	Kinh	05/12/2005	Long An				
16	121	0023410160	Hà Thị Thu Ngân	Nữ	Kinh	12/12/2005	Đồng Tháp				
17	122	0022410725	Lê Kim Ngân	Nữ	Kinh	16/8/2003	Đồng Tháp				
18	123	0022410773	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	17/12/2004	Đồng Tháp				
19	124	0022410613	Phạm Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	06/01/2004	Hậu Giang				
20	125	0023410229	Phạm Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	01/01/2005	Long An				
21	126	0023411255	Trần Thanh Ngân	Nữ	Kinh	04/7/2005	Đồng Tháp				
22	127	0023411338	Trần Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	06/7/2005	An Giang				
23	128	0023410419	Trương Kim Ngân	Nữ	Kinh	08/6/2005	Đồng Tháp				
24	129	0023410421	Trương Ngọc Ngân	Nữ	Kinh	08/6/2005	Đồng Tháp				
25	130	0023413299	Trương Trần Kim Ngân	Nữ	Kinh	05/11/2005	Đồng Tháp				
26	131	0020411223	Dương Thị Mộng Nghi	Nữ	Kinh	24/6/2002	Kiên Giang				
27	132	0023411699	Lê Trần Thảo Nghi	Nữ	Kinh	19/11/2005	Bến Tre				
28	133	0023410294	Nguyễn Thị Nghiêm	Nữ	Kinh	10/02/2005	Tiền Giang				
29	134	0023410494	Nguyễn Thái Bạch Ngọc	Nữ	Kinh	21/8/2005	Đồng Tháp				
30	135	0020410750	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	Kinh	21/3/1999	Đồng Tháp				
31	136	0023410851	Nguyễn Thị Thu Hồng Ngọc	Nữ	Kinh	13/12/2005	Tiền Giang				
32	137	0023410795	Nguyễn Trung Ngọc	Nữ	Kinh	20/4/2005	Bạc Liêu				
33	138	0023411410	Trần Kim Ngọc	Nữ	Kinh	24/10/2005	Đồng Tháp				
34	139	0021411547	Trần Thị Kim Ngọc	Nữ	Kinh	27/6/2002	An Giang				
35	140	0023411394	Võ Lê Ánh Ngọc	Nữ	Kinh	11/3/2005	An Giang				

Tổng số thí sinh: 35

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	141	0023410330	Huỳnh Thị Thảo Nguyên	Nữ	Kinh	28/12/2005	Kiên Giang				
2	142	0023411526	Nguyễn Vũ Xinh Nguyên	Nữ	Kinh	28/3/2005	Đồng Tháp				
3	143	0023413219	Trần Thị Phúc Nguyên	Nữ	Kinh	10/9/2005	Đồng Tháp				
4	144	0023412670	Trần Thị Thảo Nguyên	Nữ	Kinh	20/9/2005	Sóc Trăng				
5	145	0022410375	Nguyễn Hữu Nhân	Nam	Kinh	16/01/2004	Đồng Tháp				
6	146	0023412192	Hồ Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	16/12/2005	TP Hồ Chí Minh				
7	147	0023411603	Nguyễn Thị Hoa Nhi	Nữ	Kinh	02/11/2005	Đồng Tháp				
8	148	0021310035	Nguyễn Thị Linh Nhi	Nữ	Kinh	15/01/2003	Đồng Tháp				
9	149	0020410575	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	02/6/2002	Đồng Tháp				
10	150	0023411069	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	29/8/2005	Đồng Tháp				
11	151	0023413870	Lê Trương Hải Nhiên	Nữ	Kinh	03/10/2005	Đồng Tháp				
12	152	0021412903	Đặng Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	Kinh	05/12/2003	Đồng Tháp				
13	153	0023410796	Dương Quỳnh Như	Nữ	Kinh	27/6/2005	TP Cần Thơ				
14	154	0023410406	Huỳnh Thị Ngọc Như	Nữ	Kinh	11/12/2005	Đồng Tháp				
15	155	0023411450	Nguyễn Ngọc Như	Nữ	Kinh	08/01/2005	Đồng Tháp				
16	156	0022410367	Nguyễn Phạm Yến Như	Nữ	Kinh	20/8/2004	Đồng Tháp				
17	157	0021410633	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	Kinh	01/10/2003	Đồng Tháp				
18	158	0020411241	Phạm Huỳnh Như	Nữ	Kinh	16/11/2002	Cà Mau				
19	159	0023410579	Phan Huỳnh Như	Nữ	Kinh	10/9/2005	Đồng Tháp				
20	160	0021412934	Trần Bích Như	Nữ	Kinh	15/9/2003	Đồng Tháp				
21	161	0022410199	Trương Thị Quỳnh Như	Nữ	Kinh	11/3/2004	Đồng Tháp				
22	162	087305011867	Đoàn Thị Cẩm Nhung	Nữ	Kinh	01/12/2005	Đồng Tháp				
23	163	0023410335	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	Kinh	13/01/2005	Đồng Tháp				
24	164	0023410394	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	Kinh	13/6/2005	Long An				
25	165	0023412479	Thạch Thị Kim Phấn	Nữ	Kinh	26/5/2005	Trà Vinh				
26	166	0022412084	Huỳnh Thanh Thuận Phát	Nam	Kinh	12/02/2003	Đồng Tháp				
27	167	0021411643	Phạm Thị Ngọc Phiến	Nữ	Kinh	01/9/2003	Đồng Tháp				
28	168	0021412999	Nguyễn Sơn Phú	Nam	Kinh	07/7/2003	Đồng Tháp				
29	169	0023413199	Đinh Hồng Phúc	Nam	Kinh	30/10/2005	Đồng Tháp				
30	170	0023411400	Nguyễn Quang Phúc	Nam	Kinh	24/8/2005	Đồng Tháp				
31	171	0021413019	Trần Tấn Phúc	Nam	Kinh	13/10/2003	Đồng Tháp				
32	172	0023410485	Phan Như Phụng	Nữ	Kinh	02/6/2005	Đồng Tháp				
33	173	0022410448	Lê Huỳnh Huệ Phương	Nữ	Kinh	04/5/2004	Đồng Tháp				
34	174	0023412136	Huỳnh Mỹ Phụng	Nữ	Hoa	14/12/2005	Sóc Trăng				
35	175	0023410185	Trần Thanh Quang	Nam	Kinh	09/9/2005	An Giang				

Tổng số thí sinh: 35

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	176	0023411143	Võ Văn Qui	Nam	Kinh	05/4/2005	Đồng Tháp				
2	177	0020410603	Lê Văn Phú	Quý	Nam	11/10/2002	Đồng Tháp				
3	178	0023413009	Phan Thanh	Quý	Nam	30/7/2005	Cà Mau				
4	179	0023412691	Đặng Thị Nhã	Quyên	Nữ	29/01/2005	Cà Mau				
5	180	0023411626	Huỳnh Thị Kim	Quyên	Nữ	24/11/2005	Đồng Tháp				
6	181	0022410042	Phan Thị Mỹ	Quyên	Nữ	18/8/2004	Vĩnh Long				
7	182	082305012297	Bùi Thị Ngọc	Quyên	Nữ	30/4/2005	Tiền Giang				
8	183	0022412622	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	25/6/2004	Tiền Giang				
9	184	0023410155	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	Nữ	10/01/2005	Đồng Tháp				
10	185	0023412776	Nguyễn Lâm Thúy	Quỳnh	Nữ	04/7/2005	Hậu Giang				
11	186	0023411645	Phạm Diễm	Quỳnh	Nữ	01/11/2005	Đồng Tháp				
12	187	0020411091	Võ Như	Quỳnh	Nữ	02/12/2002	Bến Tre				
13	188	087088002979	Đỗ Văn	Sang	Nam	27/9/1988	An Giang				
14	189	0022411193	Nguyễn Văn	Sĩ	Nam	28/4/2004	Kiên Giang				
15	190	0020410573	Lê Minh	Tâm	Nam	31/5/2002	Đồng Tháp				
16	191	0023410015	Trần Thị Mỹ	Tâm	Nữ	15/7/2004	Tiền Giang				
17	192	0023412143	Nguyễn Duy	Tân	Nam	02/7/2005	Long An				
18	193	0023412549	Nguyễn Minh	Tân	Nam	01/9/2005	Long An				
19	194	0023413068	Nguyễn Ngọc	Tân	Nam	03/01/2005	Đồng Tháp				
20	195	0023411622	Trần Hoàng Anh	Thái	Nam	09/5/2005	Vĩnh Long				
21	196	0020410218	Võ Lê Quốc	Thái	Nam	19/9/2002	Đồng Tháp				
22	197	0021413154	Trần Thị Hồng	Thắm	Nữ	04/10/2003	Đồng Tháp				
23	198	0023411013	Lê Đình Quốc	Thắng	Nam	29/5/2005	Đồng Tháp				
24	199	0023412540	Lê Văn Chế	Thanh	Nam	13/4/2005	Đồng Tháp				
25	200	087303005355	Nguyễn Thị Thái	Thanh	Nữ	20/01/2003	Đồng Tháp				
26	201	0023411266	Trần Tuấn	Thanh	Nam	31/7/2005	Đồng Tháp				
27	202	0023413311	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	16/8/2005	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 27

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	203	0023411762	Bùi Nguyễn Phương Thảo	Nữ	Kinh	27/8/2005	Đồng Tháp				
2	204	0023410100	Lê Nguyễn Phương Thảo	Nữ	Kinh	26/6/2005	Long An				
3	205	0023411170	Lê Nguyễn Thu Thảo	Nữ	Kinh	18/12/2005	Đồng Tháp				
4	206	0023412393	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	Kinh	11/7/2005	Đồng Tháp				
5	207	0023412579	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	Kinh	08/4/2005	Vĩnh Long				
6	208	0023410318	Trương Thị Thanh Thảo	Nữ	Kinh	16/8/2004	Đồng Tháp				
7	209	0023412560	Kim Thị Bé Thiên	Nữ	Kinh	03/11/2005	Trà Vinh				
8	210	0020410821	Nguyễn Phúc Thiên	Nam	Kinh	17/11/2001	Đồng Tháp				
9	211	0023411084	Lê Minh Thiện	Nam	Kinh	03/7/2005	Bến Tre				
10	212	0016410033	Võ Văn Thiện	Nam	Kinh	21/02/1998	Long An				
11	213	0023410790	Bùi Anh Thư	Nữ	Kinh	02/3/2005	Đồng Tháp				
12	214	0023410182	Bùi Minh Thư	Nữ	Kinh	04/3/2005	An Giang				
13	215	0023410348	Nguyễn Minh Thư	Nữ	Kinh	08/3/2005	Đồng Tháp				
14	216	087197000254	Nguyễn Minh Thư	Nữ	Kinh	21/3/1997	Đồng Tháp				
15	217	0023413106	Phan Thị Anh Thư	Nữ	Kinh	09/6/2005	Đồng Tháp				
16	218	0023410032	Trần Hoàng Kim Thư	Nữ	Kinh	01/3/2005	TP Hồ Chí Minh				
17	219	0023412141	Trần Quỳnh Thư	Nữ	Kinh	12/3/2005	An Giang				
18	220	0023410603	Trần Thị Anh Thư	Nữ	Kinh	04/8/2005	Đồng Tháp				
19	221	0023410223	Trịnh Nguyễn Anh Thư	Nữ	Kinh	01/12/2005	Vĩnh Long				
20	222	0023410116	Võ Huệ Thư	Nữ	Kinh	13/11/2005	Cà Mau				
21	223	0023410275	Huỳnh Cẩm Tiên	Nữ	Kinh	07/6/2005	Tiền Giang				
22	224	0022410205	Nguyễn Hoàng Mỹ Tiên	Nữ	Kinh	22/9/2004	Bến Tre				
23	225	0023411517	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	Kinh	15/3/2005	Đồng Tháp				
24	226	0023413880	Trần Minh Tiến	Nam	Kinh	04/8/2005	Hậu Giang				
25	227	0023411054	Võ Trọng Tín	Nam	Kinh	22/6/2005	Đồng Tháp				
26	228	0023410213	Nguyễn Thị Thanh Trà	Nữ	Kinh	15/01/2005	Tây Ninh				
27	229	0023412384	Lương Thị Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	13/9/2005	Đồng Tháp				
28	230	0023410299	Lý Quỳnh Trâm	Nữ	Kinh	02/3/2005	Tây Ninh				
29	231	0023410501	Nguyễn Lê Huỳnh Trâm	Nữ	Kinh	02/01/2005	Đồng Tháp				
30	232	0023410582	Phạm Thị Mỹ Trâm	Nữ	Kinh	24/10/2005	Đồng Tháp				
31	233	0021413410	Nguyễn Thị Huyền Trân	Nữ	Kinh	06/01/2003	Đồng Tháp				
32	234	0023412710	Nguyễn Thị Huyền Trân	Nữ	Kinh	21/12/2005	Kiên Giang				
33	235	0023410433	Trần Nguyễn Bảo Trân	Nữ	Kinh	26/12/2005	Cà Mau				
34	236	0022411684	Nguyễn Thị Quyền Trang	Nữ	Kinh	26/11/2004	Tiền Giang				
35	237	0023410315	Nguyễn Thị Thủy Trang	Nữ	Kinh	09/9/2005	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 35

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	238	0023410078	Lâm Quang Trí	Nam	Kinh	25/6/2005	Vĩnh Long				
2	239	087095004666	Ngô Minh Trí	Nam	Kinh	05/11/1995	Đồng Tháp				
3	240	0023412079	Lê Ngọc Trinh	Nữ	Kinh	26/7/2005	Bến Tre				
4	241	0023412481	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Nữ	Kinh	14/3/2005	Long An				
5	242	0023411071	Phan Chí Trọng	Nam	Kinh	30/10/2005	An Giang				
6	243	0023413023	Lâm Thị Thanh Trúc	Nữ	Kinh	31/10/2005	Đồng Tháp				
7	244	0023410373	Trương Võ Thanh Trúc	Nữ	Kinh	16/8/2005	An Giang				
8	245	0023411264	Hứa Quang Trường	Nam	Kinh	16/5/2005	Đồng Tháp				
9	246	0023414127	Nguyễn Thị Ngọc Truyền	Nữ	Kinh	06/12/2005	Bến Tre				
10	247	0022411675	Lê Thị Cẩm Tú	Nữ	Kinh	16/8/2004	Bến Tre				
11	248	0020410631	Từ Hoàng Tuấn	Nam	Kinh	15/02/2002	Đồng Tháp				
12	249	0023411222	Phạm Hữu Tùng	Nam	Kinh	27/8/2005	Đồng Tháp				
13	250	0022412714	Võ Kim Tươi	Nữ	Kinh	17/01/2004	Đồng Tháp				
14	251	0023411245	Lê Ngọc Cát Tường	Nữ	Kinh	02/9/2005	Đồng Tháp				
15	252	0022410187	Phạm Tuấn Tường	Nam	Kinh	11/02/2004	Đồng Tháp				
16	253	0023410157	Phan Lê Khiết Tường	Nam	Kinh	06/12/2005	Đồng Tháp				
17	254	0023411381	Võ Công Lý Tường	Nam	Kinh	30/8/2005	Bạc Liêu				
18	255	0023410561	Nguyễn Thanh Tuyền	Nữ	Kinh	22/4/2005	Đồng Tháp				
19	256	0023411017	Trần Thị Thanh Tuyền	Nữ	Kinh	08/9/2005	An Giang				
20	257	0023410296	Võ Nguyễn Thanh Tuyền	Nữ	Kinh	04/11/2005	Đồng Tháp				
21	258	0023412850	Võ Thị Mộng Tuyền	Nữ	Kinh	07/7/2005	TP Hồ Chí Minh				
22	259	0023411117	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	Kinh	10/12/2005	Đồng Tháp				
23	260	0023410771	Lê Nguyễn Tường Vân	Nữ	Kinh	25/10/2005	Đồng Tháp				
24	261	0023412886	Lê Thế Vân	Nữ	Kinh	30/8/2005	An Giang				
25	262	0023410730	Nguyễn Thị Tuyết Vân	Nữ	Kinh	09/3/2005	An Giang				

Tổng số thí sinh: 25

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	263	0023414031	Lê Thảo Vi	Nữ	Kinh	03/6/2000	Đồng Tháp				
2	264	0020410810	Nguyễn Thị Thuý Vi	Nữ	Kinh	08/3/2002	Đồng Tháp				
3	265	0023410746	Lương Đại Vĩ	Nam	Kinh	14/11/2005	TP Hồ Chí Minh				
4	266	0023413399	Nguyễn Thành Vinh	Nam	Kinh	12/6/2004	Đồng Tháp				
5	267	0019410143	Dương Trần Trường Vũ	Nam	Kinh	24/8/2001	Đồng Tháp				
6	268	0022410229	Đỗ Thị Tường Vy	Nữ	Kinh	06/3/2003	Đồng Tháp				
7	269	0023410012	Lâm Nguyễn Tường Vy	Nữ	Kinh	01/4/2005	Đồng Tháp				
8	270	0021411053	Nguyễn Đỗ Phương Vy	Nữ	Kinh	29/12/2003	Đồng Tháp				
9	271	0023410821	Nguyễn Thanh Vy	Nữ	Kinh	04/3/2005	TP Hồ Chí Minh				
10	272	0023410175	Nguyễn Thị Yên Vy	Nữ	Kinh	10/8/2005	Cà Mau				
11	273	0023413594	Nguyễn Thuý Vy	Nữ	Kinh	10/3/2003	Đồng Tháp				
12	274	0023411458	Trần Khánh Vy	Nữ	Kinh	06/7/2005	Đồng Tháp				
13	275	0023411826	Trần Thị Tường Vy	Nữ	Kinh	04/5/2005	Đồng Tháp				
14	276	0022410684	Huỳnh Quang Mai Xuân	Nữ	Kinh	15/9/2004	Đồng Tháp				
15	277	0023411070	Phan Thị Kim Xuyên	Nữ	Kinh	09/8/2005	Đồng Tháp				
16	278	0023411312	Huỳnh Thị Ngọc Ý	Nữ	Kinh	08/6/2005	Đồng Tháp				
17	279	0023410074	Huỳnh Thị Như Ý	Nữ	Kinh	15/7/2005	Bến Tre				
18	280	0023410413	Lê Thị Như Ý	Nữ	Kinh	06/5/2005	Sóc Trăng				
19	281	0023411146	Nguyễn Đỗ Như Ý	Nữ	Kinh	18/10/2005	Đồng Tháp				
20	282	0023411365	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	Kinh	13/7/2004	Đồng Tháp				
21	283	0023413723	Nguyễn Ngọc Yên	Nữ	Kinh	27/4/2005	TP Cần Thơ				
22	284	0022410728	Trương Huỳnh Yên	Nữ	Kinh	01/4/2003	Đồng Tháp				
23	285	0022411361	Trần Kim Cơ	Nữ	Kinh	02/5/2004	Bạc Liêu	Bảo lưu Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
24	286	0021410098	Nguyễn Hoàng Đạt	Nam	Kinh	06/9/2003	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
25	287	0020411105	Mai Lê Phương Du	Nữ	Kinh	17/6/2002	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
26	288	0020411109	Phan Thị Mỹ Dung	Nữ	Kinh	24/01/2002	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
27	289	0021413186	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Nữ	Kinh	16/8/2003	Long An	Bảo lưu Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
28	290	0020410979	Phan Đoàn Uyên Thảo	Nữ	Kinh	01/5/2002	Bến Tre	Bảo lưu Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
29	291	0022411175	Trần Thị Thanh Thảo	Nữ	Kinh	12/3/2004	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
30	292	0020411025	Hồ Thị Bích Trâm	Nữ	Kinh	10/4/2002	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
31	293	0020411098	Phạm Thị Ngọc Trân	Nữ	Kinh	14/02/2002	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
32	294	0020411065	Trần Ngọc Trân	Nữ	Kinh	18/11/2002	Cà Mau	Bảo lưu Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
33	295	0020411152	Trần Thị Thảo Trân	Nữ	Kinh	01/11/2002	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết, Thi lại Thực hành			
34	296	0023410488	Đỗ Thiện Bách	Nam	Kinh	24/9/2004	Cần Thơ	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
35	297	0020410085	Tiết Vĩ Khang	Nam	Kinh	10/10/2001	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
36	298	0021310115	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Nữ	Kinh	02/7/2002	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
37	299	0018414036	Đỗ Thị Thu Quyên	Nữ	Kinh	14/10/2000	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
38	300	087300001484	Nguyễn Tô Kim Thoa	Nữ	Kinh	29/7/2000	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			

Tổng số thí sinh: 38